

Số: ~~344~~/VDT-KH

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023

BẢN TỰ CÔNG BỐ LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên tổ chức tự công bố lưu hành giống cây trồng: Viện Di truyền Nông nghiệp (AGI).

Địa chỉ: Km2, đường Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm Hà Nội;

Điện thoại: 024 37543198 Fax: 024 37543196, E-mail: agi@mard.gov.vn;

1. Tên giống cây trồng tự công bố lưu hành: Giống sắn HN5
 2. Phạm vi lưu hành của giống cây trồng: Tây Nguyên và Duyên Hải Nam Trung Bộ.
 3. Thời gian bắt đầu lưu hành giống cây trồng: Từ ngày 23 tháng 11 năm 2023
 4. Văn bản kèm theo hồ sơ tự công bố lưu hành giống cây trồng:
 - Bản tự công bố lưu hành giống cây trồng
 - Bản công bố thông tin về giống cây trồng.
 - Quy trình canh tác giống cây trồng.
 - Kết quả đánh giá giá trị canh tác, giá trị sử dụng giống cây trồng
- Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các văn bản gửi kèm trong hồ sơ tự công bố lưu hành giống cây trồng./.

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023

VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)



VIỆN TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Xuân Hội*

**PHỤ LỤC I: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CẠNH TÁC, GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
CỦA GIỐNG SẢN HN5 TẠI VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

*(Kèm theo Bản tự công bố lưu hành cây trồng số 344/VDT-KH ngày 23/11/2023 của
Viện Di truyền Nông nghiệp)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính/điểm	Giống khảo nghiệm	Giống đối chứng	Tiêu chuẩn cơ sở	Đánh giá
1	Số ngày từ trồng đến thu hoạch	Ngày	240-280	240-280		
2	Chiều cao cây	cm	260-280	163-260		
3	Chiều cao phân cành	cm	190-200	180-190		
4	Số thân/khóm	thân	2-3	1-2		
5	Màu thịt củ	Điểm	1-Trắng	1-Trắng		
6	Số củ/cây	củ/cây	11,0-14,0	9-10		
7	Năng suất củ tươi	tấn/ha	35,01-36,52	20,42-25,01	Năng suất cao hơn tối thiểu 5%	Đạt
8	Bệnh đốm nâu lá	%	1,1-6,7	4,4-7,7	Có đặc tính nông học tốt (chống chịu sâu bệnh)	Tương đương
9	Bệnh khảm lá:	(Theo Hahn, 1980)	1	2-3	Có đặc tính nông học tốt (chống chịu sâu bệnh)	Đạt
10	- Hàm lượng tinh bột	%	23,3-28,5	24,3-28,5	Chất lượng chế biến	Tương đương
11	- Màu sắc củ khi luộc	Điểm	1-Trắng	1- Trắng		
12	Chất lượng thử nếm				Chất lượng cảm quan tốt hơn rõ rệt	Tương đương
	- Độ xơ	Điểm	3-Không xơ	3-Không xơ		
	- Độ bở	Điểm	4-Hơi bở	4-Hơi bở		
	- Độ dẻo	Điểm	2-Dẻo	2-Dẻo		
	- Vị đắng	Điểm	5-Không đắng	5-Không đắng		
	- Độ ngọt	Điểm	5-Không ngọt	5-Không ngọt		
13	Hiệu quả kinh tế	%	188,0	100	Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 5%	Đạt

PHỤ LỤC II: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CẠNH TÁC, GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA GIỐNG SẢN HN5 TẠI VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Bản tự công bố lưu hành cây trồng số 344/VDT-KH ngày 23/11/2023 của Viện Di truyền Nông nghiệp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính/điểm	Giống khảo nghiệm	Giống đối chứng	Tiêu chuẩn cơ sở	Đánh giá
1	Số ngày từ trồng đến thu hoạch	Ngày	~300	~300		
2	Chiều cao cây	cm	277-314	257-290		
3	Chiều cao phân cành	cm	134-156	-		
4	Số thân/khóm	thân	2-3	1-2		
5	Màu thịt củ	Điểm	1-Trắng	1-Trắng		
6	Số củ/cây	củ/cây	10,1-15,4	7,9-12,2		
7	Năng suất củ tươi	tấn/ha	38,2-48,9	21,3-22,2	Năng suất cao hơn tối thiểu 5%	Đạt
8	Bệnh đốm nâu lá	%	3,3-6,7	3,3-10,0	Có đặc tính nông học tốt (chống chịu sâu bệnh)	Tương đương
9	Bệnh khảm lá:	Điểm (Theo Hahn, 1980)	1	2-3	Có đặc tính nông học tốt (chống chịu sâu bệnh)	Đạt
10	- Hàm lượng tinh bột	%	28,3-29,1	28,3-28,6	Chất lượng chế biến	Tương đương
11	- Màu sắc củ khi luộc	Điểm	1-Trắng	1- Trắng		
12	Chất lượng thử nếm				Chất lượng cảm quan tốt hơn rõ rệt	Tương đương
	- Độ xơ	Điểm	3-Không xơ	3-Không xơ		
	- Độ bở	Điểm	4-Hơi bở	4-Hơi bở		
	- Độ dẻo	Điểm	2-Dẻo	2-Dẻo		
	- Vị đắng	Điểm	5-Không đắng	5-Không đắng		
	- Độ ngọt	Điểm	5-Không ngọt	5-Không ngọt		
13	Hiệu quả kinh tế	%	171,4	100	Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 5%	Đạt